

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 6 - 2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thí

2. Ông Đặng Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 449/2020/QĐ-ST ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 16/4/1983, Nơi ĐKNKTT: Thôn T, Xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Kang Ho J, sinh ngày 20/10/1958, Địa chỉ: #606 Yanggok-ri Angye-myeon Uiseong-gun Gyeongsangbuk-do, Korea, Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” ngày 18/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị Nguyễn Thị Đ và ông Kang Ho J tự nguyện kết hôn vào ngày 27/5/2009 tại cơ quan có thẩm quyền ở Hàn Quốc và được ghi chú vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/6/2009. Sau khi kết hôn, bà Đ sang Hàn Quốc để sinh sống và đoàn tụ cùng chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên quyết định sống ly thân.

Nguyên nhân là do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán và quan điểm sống, chị Đ trở về Việt Nam còn ông Kang Ho J ở lại Hàn Quốc. Kể từ khi bà Đ trở về Việt Nam đến nay vợ chồng không có thông tin gì với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện tại không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ gửi đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xin được ly hôn với ông Kang Ho J.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Về phía bị đơn ông Kang Ho J thì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần ủy thác tư pháp thông qua cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc yêu cầu cơ quan này tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với ông Kang Ho J nhưng không thu được kết quả.

Ngày 05/01/2020 Tòa án nhận được Văn bản số 2019-D-840 ngày 01/11/2019 của Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, theo đó địa chỉ của ông Kang Ho J không đúng, chị Nguyễn Thị Đ không cung cấp được địa chỉ của ông Kang Ho J và đề nghị Tòa án tiến hành đăng tin thông báo giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 03/12/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 1912/CV-TA về việc đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc niêm yết văn bản tố tụng và thông báo giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Ngày 15/8/2019, Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đã gửi cho Tòa án biên bản xác nhận đã thực hiện tổng đạt nhưng không nhận được phản hồi từ đương sự, niêm yết công khai và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã làm thủ tục đăng tin thông báo về việc giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và ông Kang Ho J trên kênh hệ phát thanh đối ngoại quốc gia Đài tiếng nói Việt Nam VOV5. Ngày 18/3/2020, Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia Đài tiếng nói Việt Nam đã gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tài liệu về việc đã thông báo trên kênh thông tin dành cho người nước ngoài các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và ông Kang Ho J, phát vào ngày 16/3/2020 đến ngày 18/3/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét xử vắng mặt bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị

Đ, xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn ông Kang Ho J. Về con chung, tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với người có quốc tịch Hàn Quốc; đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 ; Điều 464, Điều 469 khoản 3 Điều 474 của Bộ tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ông Kang Ho J vắng mặt. Căn cứ vào khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kang Ho J.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và ông Kang Ho J là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền ở Hàn Quốc và được xác nhận của Sở Tư Pháp tỉnh Quảng Bình về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền nước ngoài số 500, ngày 26 tháng 6 năm 2009. Như vậy, hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp.

Theo lời khai của chị Đ thì sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc tại Hàn Quốc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng về ngôn ngữ và phong tục tập quán, nên chị Đ đã trở về Việt Nam từ năm 2011 cho đến nay giữa chị và ông Kang Ho J không liên lạc tin tức gì cho nhau.

Xét tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ. Thực tế giữa hai bên đã không còn sống chung, chị Nguyễn Thị Đ và ông Kang Ho J mỗi người đều có cuộc sống riêng độc lập, không còn quan tâm lẫn nhau và không ai có nỗ lực hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của cuộc hôn nhân cũng không thể đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí, lệ phí ủy thác ra nước ngoài: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định (chị Đ đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 464, Điều 469 khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn ông Kang Ho J.

2. Về quan hệ con chung: Không có

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp tại biên lai số 0005053 ngày 04/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình và phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp tại biên lai số 0005054 ngày 04/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Án sơ thẩm xử công khai, chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Kang Ho J có quyền kháng cáo trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình(P9);
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu